TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH THỦY** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2019/QĐST-HNGĐ	*Thanh Thuỷ, ngày 21 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 163/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu 8, xã Đ, huyện T, tỉnh P

Bị đơn: Chị **Trịnh Thị M**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu 8, xã Đ, huyện T, tỉnh P

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh **Nguyễn Văn Q** và chị **Trịnh Thị M**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về con chung**: Chị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Ánh D, sinh ngày 20/9/2017. Anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M từng tháng, mỗi tháng 700.000đ(bảy trăm nghìn đồng) kể từ tháng 01/2019 cho đến khi cháu thành niên. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật,chị M có đơn đề nghị Thi hành án, anh Q chậm trả tiền thì còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng

không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thoả thuận thì áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

* **Về tài sản chung, về công nợ chung, về cho vay, công sức đóng góp**:

Anh Q và chị M đều xác định không có và không đề nghị tòa án giải quyết nên tòa án không đặt ra giải quyết.

* **Về án phí**: Anh Nguyễn Văn Q nhận nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm và 150.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0001451 ngày 10 tháng 12 năm 2018, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người đươc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Thanh Thuỷ;
-Chi cục THADS;
-Các đương sự;
-UBND xã Đ;
-Lưu HS-VP.

Thẩm phán

Lương Viết Tú